TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05- 3- 2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Láth;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sơn Thị N , sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà 329 khóm S , Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Sơn C , sinh năm 1987;

Địa chỉ: Nhà không số khóm W , phường V , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2019 nguyên đơn Sơn Thị N trình bày: Chị N kết hôn với anh Sơn C và được Ủy ban nhân dân phường V , thị xã Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/3/2011. Sau kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại khóm W , phường V , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng có 01 con chung là Sơn Thị Mỹ N (nữ) sinh ngày 21/11/2014. Đến tháng 3/2015, vợ chồng mâu thuẫn do anh C ăn nhậu, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con, vợ chồng thường tranh chấp cãi vã dẫn đến mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu nên không thể chung sống được nữa. Do đó, chị N cùng con đã về sống với cha mẹ ruột của chị N tại khóm S , Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và vợ chồng không còn liên lạc, thăm hỏi, chăm sóc lẫn nhau từ năm 2015 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Sơn C .

- Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Sơn Thị Mỹ N (nữ) sinh ngày 21/11/2014 đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị N giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Sơn Thị Mỹ N .

Bị đơn Sơn C vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có trình bày: Anh C và chị Sơn Thị N kết hôn, có đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân phường V , thị xã Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/3/2011 đúng như chị N trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với cha mẹ ruột của anh C tại khóm W , phường V , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng anh chị có một con chung là Sơn Thị Mỹ N (nữ) sinh ngày 21/11/2014. Do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh C cũng có thói quen nhậu với bạn bè nên vợ chồng thường tranh chấp cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chị N đã đưa con về sống với cha mẹ ruột của chị N , hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Sơn C đồng ý ly hôn với chị Sơn Thị N .

- Về con chung: Anh C đồng ý giao cho chị Sơn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Sơn Thị Mỹ N (nữ) sinh ngày 21/11/2014 đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000đ (một triệu đồng) mỗi tháng cho con thì anh C không có khả năng; anh C chỉ đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh C đồng ý với tài liệu, chứng cứ do chị N giao nộp anh C không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản ghi lời khai của anh Sơn C .

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đã vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh C , giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; buộc anh C cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng); không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung do không có yêu cầu; chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Sơn Thị N khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Sơn C và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị N được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Sơn C đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Sơn Thị Mỹ N cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định chị N kết hôn với với anh C được Ủy ban nhân dân phường V , thị xã Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/3/2011 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị N và anh C đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, chị N tiếp tục yêu cầu được ly hôn với anh C do vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị N và anh C không có sự thông cảm, yêu thương lẫn nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, cùng thực hiện các nhiệm vụ của gia đình để xây dựng gia đình hạnh phúc nữa. Như vậy, chị N và anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh C .

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu N hiện đang sống chung với chị N , hiện đang phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, chị N nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh C cũng đồng ý giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến đủ 18 tuổi nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Sơn Thị Mỹ N (nữ) sinh ngày 21/11/2014 đến đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng là để tạo điều kiện tốt hơn cho chị N nuôi dưỡng cháu N . Hiện nay, chị N đang làm công, thu nhập thấp, kinh tế khó khăn, nhằm đảm bảo để chị N có điều kiện nuôi dưỡng cháu N tốt hơn do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên việc chị N yêu cầu anh Sơn C cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận và cần buộc anh Sơn C cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí cấp dưỡng: Anh C phải chịu là 300.000đồng, theo điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Sơn Thị N được ly hôn với anh Sơn C .

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Sơn Thị Mỹ N (nữ) sinh ngày 21/11/2014 đến đủ 18 tuổi.

Trong thời gian chị N nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Sơn C cấp dưỡng nuôi cháu Sơn Thị Mỹ N (nữ) sinh ngày 21/11/2014 mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng của anh C được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu N , chị N có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh C có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Sơn Thị N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000612 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Nam đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Sơn C phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chị Sơn Thị N có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Sơn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND phường V , thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU